



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4118 /BTC-TCNH

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2022

V/v thẩm định dự thảo Nghị định của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay tại NHCSXH, nguồn vốn cho vay, cấp bù lãi suất và phí quản lý để NHCSXH cho vay theo Nghị quyết số 43/2022/QH15

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

1. Triển khai chỉ đạo của Quốc hội tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình; trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã có Tờ trình số 58/TTr-BTC ngày 25/3/2022 và công văn số 3154/BTC-TCNH ngày 06/4/2022 trình Thủ tướng Chính phủ xem xét ban hành Quyết định về hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH), nguồn vốn cho vay, cấp bù lãi suất và phí quản lý để NHCSXH cho vay theo Nghị quyết số 43/2022/QH15.

2. Triển khai chỉ đạo của Phó Thủ tướng Lê Minh Khái tại Thông báo số 110/TB-VPCP ngày 14/4/2022 về việc giao Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ việc xây dựng Nghị định theo trình tự, thủ tục rút gọn thay cho việc ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về nội dung này, ngày 18/4/2022, Bộ Tài chính đã có Tờ trình số 85/TTr-BTC trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề nghị xây dựng Nghị định và ngày 23/4/2022, Chính phủ có Nghị quyết số 58/NQ-CP đồng ý với đề nghị của Bộ Tài chính về xây dựng, ban hành Nghị định của Chính phủ theo trình tự, thủ tục rút gọn.

3. Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Lê Minh Khái, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Nghị định về hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay tại NHCSXH, nguồn vốn cho vay, cấp bù lãi suất và phí quản lý để NHCSXH cho vay theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 (các nội dung cơ bản giữ nguyên so với dự thảo Quyết định trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành, chỉ khác về hình thức Nghị định thay cho Quyết định) và có công văn số 3588/BTC-TCNH ngày 19/4/2022 gửi xin ý kiến các Bộ, ngành có liên quan và NHCSXH.

4. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan, Bộ Tài chính đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo hồ sơ trình Chính phủ ban hành Nghị định

về hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay tại NHCSXH, nguồn vốn cho vay, cấp bù lãi suất và phí quản lý để NHCSXH cho vay theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 kèm theo công văn này theo quy trình, thủ tục rút gọn, gồm:

- Dự thảo Nghị định.
- Tờ trình Chính phủ về việc ban hành Nghị định đã được Bộ Tài chính ký.
- Bảng tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình của các Bộ, ngành và NHCSXH.

5. Theo quy trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay tại NHCSXH, nguồn vốn cho vay, cấp bù lãi suất và phí quản lý để NHCSXH cho vay theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 để Bộ Tài chính tổng hợp, trình Chính phủ ban hành theo quy định.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Bộ. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Hồ Đức Phớc (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, TCNH(6 b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Đức Chi

Số: **101** /TTr-BTC

Hà Nội, ngày **10** tháng **5** năm 2022

(Bản gửi Bộ Tư pháp thẩm định)

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội, nguồn vốn cho vay, cấp bù lãi suất và phí quản lý để Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội

Kính gửi: Chính phủ

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (Nghị quyết số 43/2022/QH15), Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 (Nghị quyết số 11/NQ-CP) và Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 23/4/2022 của Chính phủ về việc xây dựng, ban hành Nghị định thay cho việc xây dựng, ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Nghị quyết số 58/NQ-CP); theo quy trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật rút gọn tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, sau khi tổng hợp ý kiến các Bộ, ngành liên quan và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (Báo cáo thẩm định số ... ngày ...), Bộ Tài chính kính trình Chính phủ ban hành Nghị định về hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH), nguồn vốn cho vay, cấp bù lãi suất và phí quản lý để NHCSXH cho vay theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 (sau đây viết tắt là dự thảo Nghị định), cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Về căn cứ pháp lý:

- Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu ra định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030, trong đó có chủ trương “bảo đảm chính sách lao động, việc làm, thu nhập, thực hiện tốt phúc lợi xã hội, an sinh xã hội. Không ngừng cải thiện toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân”.

- Nghị quyết số 43/2022/QH15 quy định tăng chi đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước (NSNN) để cấp cho NHCSXH tối đa 5 nghìn tỷ

đồng, bao gồm hỗ trợ lãi suất tối đa 3 nghìn tỷ đồng cho đối tượng vay vốn theo các chương trình tín dụng chính sách có lãi suất cho vay hiện hành trên 6%/năm và cấp bù lãi suất và phí quản lý 2 nghìn tỷ đồng để thực hiện chính sách cho vay ưu đãi thuộc Chương trình.

- Nghị quyết số 11/NQ-CP quy định: (i) Hỗ trợ lãi suất 2%/năm trong 02 năm 2022-2023 đối với các khoản vay có lãi suất cho vay trên 6%/năm và được NHCSXH giải ngân trong giai đoạn 2022-2023, tổng nguồn vốn hỗ trợ lãi suất tối đa 3.000 tỷ đồng; (ii) Cấp bù lãi suất và phí quản lý tối đa 2.000 tỷ đồng để NHCSXH triển khai cho vay ưu đãi thuộc Chương trình theo cơ chế cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý quy định tại quy chế quản lý tài chính của NHCSXH; (iii) Giao Bộ Tài chính “chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định để hướng dẫn hỗ trợ lãi suất cho NHCSXH”.

- Nghị quyết số 58/NQ-CP đồng ý với đề nghị của Bộ Tài chính về xây dựng, ban hành Nghị định của Chính phủ theo trình tự, thủ tục rút gọn về hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay tại NHCSXH, nguồn vốn cho vay, cấp bù lãi suất và phí quản lý để NHCSXH cho vay theo Nghị quyết số 43/2022/QH15, thay cho việc xây dựng, ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ để hướng dẫn thực hiện hỗ trợ lãi suất cho NHCSXH quy định tại Nghị quyết số 11/NQ-CP.

2. Về căn cứ thực tiễn:

- Hiện nay, NHCSXH đang triển khai cho vay khoảng 20 chương trình tín dụng chính sách với nhiều mức lãi suất ưu đãi khác nhau (*bao gồm 0%/năm; 1,2%/năm; 3%/năm; 4,8%/năm; 6,6%/năm; 7,92%/năm; 8,25%/năm và 9%/năm*) với tổng dư nợ các chương trình có lãi suất trên 6% tại thời điểm ngày 31/12/2021 chiếm khoảng 93% tổng dư nợ; trong đó đối tượng vay vốn chủ yếu là đối tượng yếu thế (*bao gồm hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác*) chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19. Do đó, bên cạnh các chương trình Nhà nước đã hỗ trợ về lãi suất (lãi suất cho vay dài hạn dưới 5%/năm) thì việc ban hành cơ chế hỗ trợ lãi suất cho các đối tượng chính sách vay vốn NHCSXH có lãi suất trên 6%/năm cũng như cơ chế cấp bù lãi suất và phí quản lý để NHCSXH cho vay các đối tượng chính sách là cần thiết nhằm giảm bớt khó khăn về tài chính đối với các đối tượng thụ hưởng tín dụng chính sách và tạo điều kiện cho các đối tượng chính sách tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi, qua đó vươn lên thoát nghèo, ổn định cuộc sống.

- Nghị quyết số 43/2022/QH15 quy định tăng hạn mức bảo lãnh Chính phủ đối với trái phiếu phát hành trong nước cho NHCSXH tối đa 38,4 nghìn tỷ đồng để cho vay một số chương trình tín dụng chính sách và bố trí 2.000 tỷ đồng để cấp bù lãi suất và phí quản lý cho NHCSXH triển khai cho vay các chương trình này. Tuy nhiên, theo quy định về quy chế quản lý tài chính của NHCSXH

hiện nay, nguồn vốn trái phiếu Chính phủ bảo lãnh là một trong các nguồn vốn của NHCSXH và được quản lý hòa đồng chung để cho vay các chương trình tín dụng chính sách. Việc triển khai huy động vốn trái phiếu phải căn cứ vào tình hình thị trường, trong thời gian chưa phát hành đủ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ bảo lãnh thì NHCSXH vẫn phải tiếp tục thực hiện việc cho vay, do đó, cần phải bổ sung quy định hướng dẫn về nguồn vốn cũng như dư nợ cho vay khi xác định cấp bù lãi suất và phí quản lý để đảm bảo cơ sở cho NHCSXH triển khai thực hiện.

3. Căn cứ các quy định pháp luật và thực tiễn nêu trên, việc ban hành Nghị định của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay tại NHCSXH và nguồn vốn cấp bù lãi suất và phí quản lý để NHCSXH cho vay theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết số 11/NQ-CP là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

- Hướng dẫn cụ thể cách thức để thực hiện hỗ trợ lãi suất cho người nghèo và các đối tượng chính sách vay vốn thông qua NHCSXH khi thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết số 11/NQ-CP, qua đó góp phần giảm bớt khó khăn về tài chính cho các đối tượng chính sách, góp phần thực hiện nhiệm vụ chung về an sinh xã hội của Nhà nước.

- Quy định cụ thể để có căn cứ triển khai việc cho vay ưu đãi qua NHCSXH; cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý cho NHCSXH khi thực hiện Chương trình cho vay ưu đãi theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết số 11/NQ-CP.

2. Quan điểm

- *Thứ nhất*, thể chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đảm bảo an sinh xã hội.

- *Thứ hai*, bảo đảm các nguyên tắc, cụ thể hóa việc thực hiện các biện pháp hỗ trợ tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết số 11/NQ-CP.

- *Thứ ba*, đảm bảo tính khả thi trong quá trình triển khai thực hiện, hỗ trợ đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không để lợi dụng, trục lợi chính sách.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định:

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 146 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), một trong các trường hợp xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn là “trường hợp đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn”.

- Khoản 3, 4 Điều 1 Nghị quyết số 43/2022/QH15 quy định: “*Chính sách hỗ trợ Chương trình có quy mô, nguồn lực đủ lớn, tác động cả phía cung và phía cầu; có mục tiêu trọng tâm, trọng điểm, xác định đúng đối tượng cần hỗ trợ để giải quyết những vấn đề cấp bách...; chính sách, giải pháp hỗ trợ phải khả thi, kịp thời, hiệu quả, thời gian thực hiện chủ yếu trong 02 năm 2022-2023 với lộ trình thích hợp để nâng cao năng lực phòng, chống dịch Covid-19,...*”.

- Khoản 3 Điều 147 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định: “*Thủ tướng Chính phủ quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ...*”.

- Theo quy định tại tiết d khoản 1 mục I Nghị quyết số 11/NQ-CP, trường hợp cần thiết phải sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới thì thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn.

- Theo Nghị quyết số 58/NQ-CP, Chính phủ đồng ý với đề nghị của Bộ Tài chính về xây dựng, ban hành Nghị định của Chính phủ theo trình tự, thủ tục rút gọn về hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay tại NHCSXH, nguồn vốn cho vay, cấp bù lãi suất và phí quản lý để NHCSXH cho vay theo Nghị quyết số 43/2022/QH15.

Căn cứ quy định nêu trên, việc xây dựng dự thảo Nghị định theo trình tự, thủ tục rút gọn là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về quá trình xây dựng dự thảo Nghị định:

2.1. Triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết số 11/NQ-CP, Bộ Tài chính đã có Tờ trình số 58/TTr-BTC ngày 25/3/2022 và công văn số 3154/BTC-TCNH ngày 06/4/2022 trình Thủ tướng Chính phủ xem xét ban hành Quyết định về hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay tại NHCSXH, nguồn vốn cho vay, cấp bù lãi suất và phí quản lý để NHCSXH cho vay theo Nghị quyết số 43/2022/QH15.

2.2. Triển khai chỉ đạo của Phó Thủ tướng Lê Minh Khái tại Thông báo số 110/TB-VPCP ngày 14/4/2022 về việc giao Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ việc xây dựng Nghị định theo trình tự, thủ tục rút gọn thay cho việc ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về nội dung này; căn cứ quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*Nghị định này là văn bản quy định các biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành Nghị quyết của Quốc hội nên việc xây dựng Nghị định này thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và việc xây dựng Nghị định cần phải thực hiện qua 02 bước (bước 1 là trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị xây dựng Nghị định và bước 2 là Soạn thảo Nghị định)*), ngày 18/4/2022, Bộ Tài chính đã có Tờ trình số 85/TTr-BTC trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề nghị xây dựng Nghị

định và ngày 23/4/2022, Chính phủ có Nghị quyết số 58/NQ-CP đồng ý với đề nghị của Bộ Tài chính về xây dựng, ban hành Nghị định của Chính phủ theo trình tự, thủ tục rút gọn.

2.3. Để kịp thời triển khai Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, Bộ Tài chính đã triển khai đồng thời bước 2 về xây dựng hồ sơ trình Chính phủ ban hành Nghị định và có công văn số 3588/BTC-TCNH ngày 19/4/2022 gửi xin ý kiến các cơ quan liên quan.

2.4. Trên cơ sở ý kiến tham gia bằng văn bản của các Bộ, ngành liên quan¹, Bộ Tài chính đã hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ dự thảo Nghị định và có công văn số/BTC-TCNH ngày .../5/2022 gửi lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

2.6. Ngày .../.../2022, Bộ Tư pháp đã có báo cáo thẩm định số .../BCTĐ-BTP đối với hồ sơ trình Chính phủ dự thảo Nghị định. Bộ Tài chính đã tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp để hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ dự thảo Nghị định.

IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục

Dự thảo Nghị định bao gồm 10 Điều và 02 Phụ lục quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, điều kiện được NSNN hỗ trợ lãi suất; phương thức hỗ trợ lãi suất; thời gian, mức và số tiền hỗ trợ lãi suất; trình tự thực hiện hỗ trợ lãi suất từ NSNN cho NHCSXH; nguồn vốn cho vay và cấp bù lãi suất và phí quản lý để NHCSXH cho vay theo Nghị quyết số 43/2022/QH15.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

2.1. Về phạm vi điều chỉnh

Phạm vi điều chỉnh của Nghị định bao gồm 02 nội dung: (i) Cơ chế hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay tại NHCSXH theo quy định tại tiết b, khoản 1.2 điểm 1 Điều 3 Nghị quyết số 43/2022/QH15 và tiết d điểm 2 Phần II Nghị quyết số 11/NQ-CP; (ii) Nguồn vốn cho vay và cấp bù lãi suất và phí quản lý để NHCSXH cho vay ưu đãi theo quy định tại Chương trình phục hồi kinh tế.

2.2. Về điều kiện được NSNN hỗ trợ lãi suất

Ngoài các điều kiện được NSNN hỗ trợ lãi suất quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết số 11/NQ-CP như có lãi suất cho vay trên 6%/năm, được NHCSXH giải ngân trong 02 năm 2022, 2023, dự thảo Nghị định

¹Công văn số 3112/NHCS-KTTC ngày 25/4/2022 của NHCSXH; Công văn số 1374/BTP-PLDSKT ngày 29/4/2022 của Bộ Tư pháp; Công văn số 2754/NHNN-TD ngày 27/4/2022 của NHNN, Công văn số 2693/BKHĐT ngày 25/4/2022 của Bộ KH&ĐT, Công văn số 380/KTTN-TH ngày 26/4/2022 của Kiểm toán Nhà nước.

bổ sung một số nội dung, điều kiện để đảm bảo tính khả thi và hiệu quả của chính sách như sau:

- Bổ sung làm rõ nội dung “*các chương trình tín dụng chính sách*” quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 là các chương trình tín dụng chính sách do NHCSXH cho vay theo: Nghị định của Chính phủ; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; văn bản ủy thác của chính quyền địa phương, các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, các hiệp hội, các hội, các tổ chức phi Chính phủ, các cá nhân trong và ngoài nước; hiệp định, hợp đồng vay lại từ nguồn vốn ODA và ưu đãi nước ngoài; thỏa thuận tài trợ nước ngoài khác.

- Quy định thời gian kết thúc thực hiện Chương trình hỗ trợ lãi suất là ngày 31/12/2023 hoặc khi hết nguồn kinh phí hỗ trợ lãi suất bố trí cho NHCSXH tại Nghị quyết số 43/2022/QH15. Theo đó trường hợp trước ngày 31/12/2023 nguồn kinh phí hỗ trợ lãi suất hết thì Chương trình sẽ kết thúc. Quy định này nhằm đảm bảo việc thực hiện chính sách trong phạm vi nguồn lực được giao.

- Bổ sung quy định khách hàng vay vốn của khoản vay được hỗ trợ phải đúng đối tượng vay vốn theo quy định; phải sử dụng vốn vay đúng mục đích; khoản vay chưa được hỗ trợ lãi suất từ bất cứ nguồn NSNN nào tính đến thời điểm giải ngân và không thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với dư nợ quá hạn hoặc được gia hạn nợ của khoản vay. Quy định này đảm bảo việc hỗ trợ lãi suất đến đúng đối tượng, đúng mục đích, tránh trục lợi chính sách, đảm bảo mỗi khoản vay chỉ được NSNN hỗ trợ 1 lần để đảm bảo tính công bằng, đồng thời đảm bảo tính khả thi trong quá trình triển khai thực hiện của NHCSXH.

2.3. Mức, thời gian và phương thức hỗ trợ lãi suất

- Mức lãi suất NSNN hỗ trợ cho khách hàng vay vốn thông qua NHCSXH theo quy định tại Nghị định này là 2%/năm. Mức hỗ trợ này phù hợp với nguồn lực được Quốc hội giao tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 (*tại công văn số 10409/NHCS-KHN ngày 08/11/2021, NHCSXH báo cáo và đề xuất hỗ trợ lãi suất 2%/năm thì sẽ cần khoảng 3.000 tỷ đồng để hỗ trợ*); phù hợp với chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 11/NQ-CP (*Chính phủ quyết nghị mức hỗ trợ là 2%/năm*). Ngoài ra, hiện nay, mức lãi suất cho vay qua NHCSXH được xây dựng theo hướng tiệm cận dần với lãi suất thương mại; trong khi đó, tại Nghị quyết số 43/2022/QH15, Quốc hội đã phê duyệt hỗ trợ lãi suất thông qua ngân hàng thương mại cho một số ngành, lĩnh vực quan trọng là 2%/năm, do đó mức hỗ trợ 2%/năm qua NHCSXH cũng sẽ đảm bảo tính đồng bộ về mặt chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

- Thời gian vay được hỗ trợ lãi suất được xác định từ thời điểm giải ngân khoản vay đến thời điểm khách hàng phải trả hết nợ gốc nhưng không nằm ngoài khoảng thời gian thực hiện hỗ trợ lãi suất.

- Phương thức hỗ trợ: NSNN thực hiện hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay

vốn thông qua NHCSXH. Hằng tháng, NHCSXH thực hiện tính số tiền lãi được hỗ trợ và giảm trừ vào số tiền lãi phải trả của khách hàng vay vốn.

2.4. Về trình tự thực hiện hỗ trợ lãi suất từ NSNN cho NHCSXH

- Do việc hỗ trợ lãi suất là cơ chế đặc thù và chưa được quy định tại văn bản pháp luật nào nên dự thảo Nghị định cần quy định cụ thể về phương thức lập, giao dự toán hỗ trợ lãi suất; thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất; quyết toán, xét duyệt quyết toán và thẩm định quyết toán hỗ trợ lãi suất, thông báo thẩm định quyết toán hỗ trợ lãi suất và xử lý việc thu hồi số tiền đã hỗ trợ lãi suất.

- Căn cứ quy định tại Luật Đầu tư công, Luật NSNN, quy chế tài chính của NHCSXH, đồng thời để đảm bảo đồng bộ với dự thảo Nghị định về hỗ trợ lãi suất từ NSNN đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đang được Văn phòng Chính phủ gửi lấy ý kiến thành viên Chính phủ, dự thảo Nghị định quy định quy trình thanh toán, quyết toán hỗ trợ lãi suất như sau:

+ Căn cứ dự toán được giao trong năm và báo cáo của NHCSXH, Bộ Tài chính thực hiện thanh toán trước số tiền NHCSXH đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng trong quý trước liền kề theo nguyên tắc số tiền thanh toán trước bằng 85% số tiền NHCSXH đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng trong quý trước liền kề.

+ NHCSXH (Chi nhánh) căn cứ điều kiện hỗ trợ lãi suất của từng khoản vay tại Chi nhánh để hỗ trợ trực tiếp cho người dân; thực hiện quyết toán số liệu hỗ trợ lãi suất của chi nhánh và báo cáo Hội sở chính NHCSXH để thực hiện xét duyệt.

+ Căn cứ kết quả xét duyệt quyết toán đối với các Chi nhánh NHCSXH và kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước về hỗ trợ lãi suất năm quyết toán tại NHCSXH, NHCSXH lập báo cáo tổng hợp quyết toán hỗ trợ lãi suất thực tế trong năm quyết toán và hoàn thiện hồ sơ đề nghị thẩm định quyết toán để gửi Bộ Tài chính thực hiện thẩm định quyết toán. NHCSXH chịu trách nhiệm toàn diện về tính pháp lý, đầy đủ, hợp lệ, chính xác của hồ sơ đề nghị thẩm định quyết toán và số liệu báo cáo đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất. Thực hiện lưu giữ toàn bộ hồ sơ hỗ trợ lãi suất cho từng khoản vay được hỗ trợ lãi suất theo đúng quy định.

+ Bộ Tài chính căn cứ báo cáo của NHCSXH và báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước để thực hiện thẩm định quyết toán hỗ trợ lãi suất cho NHCSXH.

(Quy trình nêu trên tương tự như việc quyết toán vốn đầu tư công theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán sử dụng vốn đầu tư công).

2.5. Về nguồn vốn cho vay và cấp bù lãi suất và phí quản lý

(i) Về nguồn vốn cho vay:

- Nghị quyết số 43/2022/QH15 quy định tăng hạn mức bảo lãnh Chính phủ đối với trái phiếu phát hành trong nước cho NHCSXH tối đa 38,4 nghìn tỷ đồng để cho vay một số chương trình tín dụng chính sách. Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26/6/2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ quy định toàn bộ số tiền thu được từ phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh được ngân hàng chính sách hạch toán, quản lý và sử dụng theo Quy chế quản lý tài chính và Đề án phát hành trái phiếu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Quy chế quản lý tài chính của NHCSXH quy định nguồn vốn của NHCSXH để cho vay thực hiện theo cơ chế hòa đồng. Do đó, để đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, đồng thời đảm bảo tính khả thi và thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện, dự thảo Nghị định bổ sung quy định cho phép NHCSXH được sử dụng các nguồn vốn hợp pháp của Ngân hàng để thực hiện cho vay Chương trình phục hồi kinh tế khi chưa huy động hoặc chưa huy động đủ nguồn phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Quy định này cũng nhằm tạo điều kiện cho người dân sớm được thụ hưởng chính sách trong thời gian chưa kịp phát hành đủ nguồn vốn trái phiếu.

- Ngoài quy định về tổng hạn mức phát hành trái phiếu Chính phủ bảo lãnh của NHCSXH để cho vay các chính sách theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 không vượt quá mức tối đa Quốc hội đã phê duyệt (38,4 nghìn tỷ đồng), dự thảo Nghị định bổ sung quy định tổng hạn mức phát hành trái phiếu Chính phủ bảo lãnh của NHCSXH không được vượt quá tổng dư nợ tín dụng các chính sách cho vay ưu đãi theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 tại thời điểm kết thúc thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 cộng mức tồn ngân tính trên tổng dư nợ tín dụng nêu trên (tồn ngân do dự phòng để cho vay). Tỷ lệ tồn ngân được xác định theo tỷ lệ tối đa tồn quỹ tiền mặt và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác để đảm bảo khả năng chi trả, thanh toán khi xác định số cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý theo quy định tại Quy chế quản lý tài chính của NHCSXH do:

+ Về nguyên tắc hoạt động tín dụng, nguồn vốn cho vay luôn phải lớn hơn dư nợ cho vay. Phần chênh lệch giữa nguồn vốn và cho vay (tồn ngân) nhằm phục vụ dự phòng để cho vay và an toàn chi trả.

+ Việc phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thực hiện theo các kỳ hạn nhất định, trong khi thời hạn cho vay của các khoản vay rất đa dạng. Bên cạnh đó, sau khi phát hành trái phiếu để cho vay, khách hàng vay vốn có thể hoàn trả trước hạn khoản vay nhưng khoản thu hồi nợ trước hạn này không thể thực hiện trả nợ trái phiếu vì chưa đến kỳ hạn trả nợ theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu. Vì vậy, việc phát hành trái phiếu để huy động khớp đúng với dư nợ cho vay là không khả thi.

+ Nguồn vốn cho vay cần lớn hơn dư nợ như nêu trên, tuy nhiên, để tránh

việc sử dụng vốn không hiệu quả (NHCSXH có thể phát hành trái phiếu toàn bộ 38,4 nghìn tỷ đồng mà dư nợ cho vay thấp), dự thảo Nghị định bổ sung không chế mức tồn ngân tối đa theo tỷ lệ tồn ngân tối đa đang quy định tại Quy chế quản lý tài chính của NHCSXH và tính trên tổng dư nợ cho vay cho phù hợp, đồng bộ với quy định hiện hành của pháp luật và tình hình thực tế.

(ii) Về cấp bù lãi suất và phí quản lý:

- Nghị quyết số 11/NQ-CP không phải là văn bản quy phạm pháp luật nên Bộ Tài chính dự kiến bổ sung nguyên tắc cấp bù đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 11/NQ-CP vào dự thảo Nghị định để đảm bảo căn cứ pháp lý triển khai.

- Ngoài ra, để thuận lợi trong quá trình theo dõi tình hình thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội và đảm bảo tính khả thi của chính sách, Bộ Tài chính đề nghị bổ sung một số nội dung sau:

+ Giao trách nhiệm cho NHCSXH trong việc tính toán, xác định số cấp bù lãi suất và phí quản lý khi thực hiện cho vay Chương trình phục hồi kinh tế làm cơ sở để Bộ KH&ĐT có căn cứ tổng hợp nguồn vốn cấp bù từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội được bổ sung cho NHCSXH hằng năm.

+ Bổ sung hướng dẫn phương thức xác định dư nợ cho vay thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội làm cơ sở để NHCSXH xác định tổng mức cấp bù lãi suất và phí quản lý, cụ thể như sau:

++ Đối với chương trình cho vay các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập; cho vay đối với học sinh, sinh viên mua máy vi tính, thiết bị học tập trực tuyến và cho vay thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030: Đây là các chính sách mới được giao NHCSXH triển khai thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15, do đó dư nợ cho vay trong 02 năm 2022-2023 được xác định bắt đầu từ thời điểm chính sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

++ Đối với chương trình cho vay hỗ trợ giải quyết việc làm và cho vay đối với cá nhân, hộ gia đình để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân; xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo chính sách về nhà ở xã hội: Đây là các chương trình đã triển khai nhiều năm tại NHCSXH, vừa thực hiện tăng dư nợ tín dụng các chính sách cho vay ưu đãi theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 vừa thực hiện tăng dư nợ tín dụng đối với các chương trình tín dụng chính sách được Thủ tướng Chính phủ giao hằng năm. Vì vậy, để đảm bảo nguyên tắc đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành giải ngân vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội trong 02 năm 2022-2023 theo đúng định hướng của Quốc hội tại Nghị quyết số 43/2022/QH15, dự thảo Nghị định quy định theo

hướng ưu tiên xác định dư nợ cho vay trong 02 năm 2022-2023 thuộc dư nợ triển khai theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 trước cho đến khi đủ dư nợ tín dụng tối đa của từng chương trình cho vay. Quy định này không ảnh hưởng đến tổng số cấp bù lãi suất và phí quản lý từ NSNN cho NHCSXH mà chỉ góp phần đẩy nhanh tiến độ giải ngân ngân vốn cấp bù từ Chương trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời giảm cấp bù cho NHCSXH từ nguồn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

++ Đối với chương trình cho vay học sinh, sinh viên để trang trải chi phí học tập, dự thảo Nghị định bổ sung quy định chỉ xác định dư nợ cho vay ưu đãi theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 khi đã sử dụng hết nguồn vốn NSNN và nguồn vốn vay NHNN đã bố trí cho chương trình này do: Đến ngày 31/3/2022, tổng nguồn vốn Nhà nước bố trí cho chương trình học sinh sinh viên để trang trải chi phí học tập là 15.530 tỷ đồng (bao gồm 6.530 tỷ đồng vốn NSNN cấp và 9.000 tỷ vay NHNN với lãi suất 0%/năm), tổng dư nợ chương trình này là 10.224 tỷ đồng; do đó, còn thừa nguồn vốn là 5.306 tỷ đồng. Theo quy định tại Quy chế quản lý tài chính của NHCSXH, việc huy động các nguồn vốn với lãi suất thị trường để cho vay phải bảo đảm nguyên tắc chỉ huy động khi đã sử dụng tối đa các nguồn vốn không phải trả lãi hoặc huy động với lãi suất thấp. Do đó NHCSXH có trách nhiệm sử dụng hết các nguồn vốn Nhà nước đã bố trí trước khi huy động thêm từ nguồn vốn trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15.

2.6. Về tổ chức thực hiện

Dự thảo Nghị định quy định cụ thể trách nhiệm của NHCSXH, Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT, chính quyền địa phương các cấp, khách hàng vay vốn, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội.

2.7. Về điều khoản chuyển tiếp

- Điều 152 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “Chỉ trong trường hợp thật cần thiết để bảo đảm lợi ích chung của xã hội, thực hiện các quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân được quy định trong luật, nghị quyết của Quốc hội, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan trung ương mới được quy định hiệu lực trở về trước”.

- Khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 43/2022/QH15 quy định: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 11/01/2022 đến ngày 31/12/2023, riêng đối với chính sách tài khóa quy định tại các điểm 1.2 và 1.3 khoản 1 Điều 3 (*bao gồm chính sách hỗ trợ lãi suất qua NHCSXH*) được áp dụng cho năm ngân sách 2022 và 2023 (theo quy định tại Luật NSNN, năm ngân sách được xác định từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm).

Như vậy, việc hỗ trợ lãi suất thông qua NHCSXH quy định tại Nghị định

này có thể áp dụng từ ngày Nghị định có hiệu lực thi hành hoặc hồi tố áp dụng từ ngày 01/01/2022.

- Căn cứ quy định pháp luật nêu trên, nhằm góp phần hỗ trợ tối đa cho người nghèo và các đối tượng chính sách và đảm bảo thực hiện chính sách an sinh xã hội của Nhà nước theo chỉ đạo của Quốc hội tại Nghị quyết số 43/2022/QH15, dự thảo Nghị định quy định hồi tố cho phép các khoản vay có lãi suất cho vay trên 6%/năm, đã được NHCSXH giải ngân trong giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và chưa hoàn thành việc tắt toán khoản vay² cũng sẽ được hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị định này.

2.8. Về thời điểm Nghị định có hiệu lực thi hành

Khoản 2 Điều 151 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành”. Vì vậy, dự kiến Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký để có thể sớm triển khai hỗ trợ cho các đối tượng chính sách vay vốn NHCSXH.

V. VỀ TÍNH TƯƠNG THÍCH VỚI CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

1. Về tính tương thích với các điều ước quốc tế: Dự thảo Nghị định không phát sinh vấn đề về tính tương thích đối với điều ước quốc tế.

2. Về thủ tục hành chính: Dự thảo Nghị định không quy định thủ tục hành chính thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính.

3. Về vấn đề bình đẳng giới: Dự thảo Nghị định không quy định các nội dung tạo ra sự phân biệt về giới.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Về nhân lực:

Dự kiến sau khi Nghị định được ban hành, các cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị định có trách nhiệm thi hành, trong đó:

- NHCSXH chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức triển khai thi hành Nghị định. NHCSXH sử dụng bộ máy, nguồn nhân lực có sẵn của hệ thống để triển khai thi hành Nghị định, không phát sinh nhu cầu tuyển dụng số lượng lớn người lao động để thực hiện nhiệm vụ.

² Quy định không hỗ trợ đối với khoản vay mà khách hàng vay vốn đã hoàn thành việc tắt toán khoản vay từ ngày 01/01/2022 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành do cơ bản sẽ không phát sinh trường hợp này. Ngoài ra, trường hợp có phát sinh thì cơ bản thời gian vay và hỗ trợ là tương đối ngắn, mức hỗ trợ thấp, đối tượng vay thời gian ngắn như vậy cơ bản cũng không phải là đối tượng khó khăn; trong khi đó việc hồi tố thực hiện hỗ trợ cho những đối tượng này sẽ phát sinh nhiều khó khăn cho NHCSXH trong quá trình thực hiện nên không nên quy định hỗ trợ cho những đối tượng này.

- Các bộ, ngành, cơ quan, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định. Đây đều là những nhiệm vụ phù hợp với chức năng của các cơ quan theo quy định của pháp luật; không phát sinh thêm nghiệp vụ mới, vì vậy không làm phát sinh thêm chi phí và nguồn nhân lực để thực hiện, đồng thời đảm bảo tính khả thi của việc triển khai thi hành Nghị định này.

2. Về nguồn lực tài chính:

- Nguồn kinh phí đảm bảo tổ chức thi hành Nghị định được dự toán và lấy từ nguồn kinh phí chi hoạt động thường xuyên hàng năm của Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan, trong đó có kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Nguồn vốn để thực hiện hỗ trợ lãi suất (3.000 tỷ đồng) và cấp bù lãi suất, phí quản lý (2.000 tỷ đồng) cho NHCSXH để triển khai thực hiện Nghị định này đã được Quốc hội phê duyệt tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội từ nguồn NSNN (chi đầu tư phát triển). Theo đó nguồn lực để thi hành Nghị định đã được đảm bảo.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay tại NHCSXH, nguồn vốn cho vay, cấp bù lãi suất và phí quản lý để NHCSXH cho vay theo Nghị quyết số 43/2022/QH15, Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, ban hành./.

(Xin gửi kèm theo: (i) Dự thảo Nghị định; (ii) Báo cáo thẩm định và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; (iii) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Vụ TCNH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Đức Chi

CHÍNH PHỦ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2022/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

*Bản xin ý kiến thẩm định
của Bộ Tư pháp*

NGHỊ ĐỊNH

Về hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội, nguồn vốn cho vay, cấp bù lãi suất và phí quản lý để Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định về hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội, nguồn vốn cho vay, cấp bù lãi suất và phí quản lý để Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về:

1. Cơ chế hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại tiết b điểm 1.2 khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và tiết d điểm 2 mục II Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình.

2. Nguồn vốn cho vay và cấp bù lãi suất và phí quản lý để Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện các chính sách cho vay ưu đãi quy định tại tiết b điểm 1.3 khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 43/2022/QH15 và tiết c điểm 2 mục II Nghị quyết số 11/NQ-CP (sau đây viết tắt là các chính sách cho vay ưu đãi theo Nghị quyết số 43/2022/QH15).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ngân hàng Chính sách xã hội.
2. Khách hàng vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội (bao gồm cả tổ chức và cá nhân) có các khoản vay đáp ứng đầy đủ điều kiện được ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất quy định tại Điều 3 Nghị định này.
3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Điều kiện được ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất

1. Khách hàng vay vốn được ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Có khoản vay đáp ứng các điều kiện sau:

- Thuộc các chương trình tín dụng chính sách do Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay theo: Nghị định của Chính phủ; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; văn bản ủy thác của chính quyền địa phương, các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, các hiệp hội, các hội, các tổ chức phi Chính phủ, các cá nhân trong và ngoài nước; hiệp định, hợp đồng vay lại từ nguồn vốn ODA và ưu đãi nước ngoài; thỏa thuận tài trợ nước ngoài khác;

- Có lãi suất vay vốn trên 6%/năm;

- Được Ngân hàng Chính sách xã hội giải ngân và có phát sinh dư nợ trong thời gian thực hiện hỗ trợ lãi suất;

- Chưa được hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước tính đến thời điểm giải ngân;

b) Khách hàng vay vốn đúng đối tượng vay vốn và sử dụng vốn vay đúng mục đích theo quy định.

2. Không thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với dư nợ quá hạn hoặc được gia hạn nợ của khoản vay quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

Điều 4. Thời gian thực hiện hỗ trợ lãi suất, thời gian vay được hỗ trợ lãi suất, mức hỗ trợ lãi suất và số tiền hỗ trợ lãi suất

1. Thời gian thực hiện hỗ trợ lãi suất là từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2023 hoặc khi Ngân hàng Chính sách xã hội thông báo kết thúc thực hiện hỗ trợ lãi suất theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 9 Nghị định này tùy theo điều kiện nào đến trước.

2. Thời gian vay được hỗ trợ lãi suất được xác định từ thời điểm giải ngân khoản vay đến thời điểm khách hàng trả hết nợ gốc nhưng không nằm ngoài thời gian thực hiện hỗ trợ lãi suất.

3. Mức hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay vốn là 2%/năm tính trên số dư nợ vay của các khoản giải ngân được giải ngân trong thời gian thực hiện hỗ trợ lãi suất và thời gian vay được hỗ trợ lãi suất.

4. Số tiền hỗ trợ lãi suất thực tế cho một khoản vay được xác định theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị định này.

Điều 5. Phương thức hỗ trợ lãi suất

1. Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay vốn thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội và thực hiện chi trả số tiền hỗ trợ lãi suất cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại Nghị định này.

2. Hằng tháng, Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện tính số tiền lãi được hỗ trợ và giảm trừ vào số tiền lãi phải trả của khách hàng vay vốn.

Điều 6. Trình tự thực hiện hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước cho Ngân hàng Chính sách xã hội hằng năm

1. Lập và giao dự toán ngân sách nhà nước để thực hiện hỗ trợ lãi suất:

a) Việc lập dự toán ngân sách nhà nước để thực hiện hỗ trợ lãi suất thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 43/2022/QH15, quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật có liên quan;

b) Ngân hàng Chính sách xã hội tổng hợp kế hoạch hỗ trợ lãi suất theo từng năm, đảm bảo trong phạm vi tổng mức 3.000 tỷ đồng, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;

c) Căn cứ kế hoạch tổng hợp của Ngân hàng Chính sách xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì báo cáo Chính phủ để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội cho phép bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ lãi suất trong năm 2022 và tổng hợp, bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 trình Quốc hội quyết định;

d) Căn cứ Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội bổ sung dự toán năm 2022, Thủ tướng Chính phủ quyết định giao vốn ngân sách trung ương bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 cho Ngân hàng Chính sách xã hội. Việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2023 thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất hằng năm:

a) Trước ngày 10 của tháng đầu tiên hằng quý, Ngân hàng Chính sách xã hội gửi Bộ Tài chính hồ sơ đề nghị thanh toán trước số tiền đã hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị định này của quý trước liền kề, bao gồm:

- Văn bản đề nghị thanh toán trước số tiền đã hỗ trợ lãi suất, trong đó ghi rõ số tiền Ngân hàng Chính sách xã hội đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng trong quý trước liền kề, số tiền đề nghị thanh toán trước bằng 85% số tiền Ngân hàng Chính sách xã hội đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng trong quý trước liền kề, tài khoản nhận tiền của Ngân hàng Chính sách xã hội;

- Báo cáo tình hình thực hiện hỗ trợ lãi suất của quý trước liền kề theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị của Ngân hàng Chính sách xã hội, Bộ Tài chính thực hiện thanh toán trước cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền đã hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị định này theo hình thức lệnh chi tiền và thông báo cho Ngân hàng Chính sách xã hội để phối hợp thực hiện;

c) Tổng số tiền thanh toán trước cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại điểm b khoản này trong năm ngân sách tối đa không vượt quá số dự toán được giao trong năm. Đến ngày 31 tháng 01 năm 2023, trường hợp dự toán hỗ trợ lãi suất năm 2022 chưa sử dụng hết được chuyển nguồn sang năm 2023 để tiếp tục thực hiện hỗ trợ lãi suất theo quy định của pháp luật.

3. Quyết toán và xét duyệt quyết toán hỗ trợ lãi suất hằng năm:

a) Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thực hiện quyết toán hỗ trợ lãi suất hằng năm và lập hồ sơ quyết toán hỗ trợ lãi suất gửi Hội sở chính Ngân hàng Chính sách xã hội trước ngày 10 tháng 2 năm sau năm quyết toán để xét duyệt quyết toán, trong đó các khoản vay được hỗ trợ lãi suất trong hồ sơ quyết toán phải đảm bảo đúng đối tượng, đáp ứng đầy đủ điều kiện được ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị định này, xác định chính xác số tiền hỗ trợ lãi suất cho từng khách hàng và tổng hợp chung của cả Chi nhánh. Số tiền hỗ trợ lãi suất cho khách hàng phải có đầy đủ chứng từ hợp pháp.

b) Số tiền hỗ trợ lãi suất quyết toán được xác định như sau:

- Số tiền hỗ trợ lãi suất thực tế thanh toán cho một khoản giải ngân được tính theo công thức:

$$L = 2\% \times \frac{\sum(D_i \times T_i)}{365}$$

Trong đó: - L là số tiền hỗ trợ lãi suất thực tế thanh toán cho một khoản giải ngân;

- $\sum(D_i \times T_i)$ là tổng các tích số giữa số dư nợ với số ngày dư nợ thực tế được hỗ trợ lãi suất của khoản giải ngân;

- Số tiền hỗ trợ lãi suất thực tế thanh toán cho một khoản vay là tổng số tiền hỗ trợ lãi suất thực tế thanh toán cho tất cả các khoản giải ngân được giải ngân trong thời gian thực hiện hỗ trợ lãi suất của khoản vay đó;

- Tổng số tiền hỗ trợ lãi suất thực tế đề nghị ngân sách nhà nước thanh toán là tổng số tiền hỗ trợ lãi suất thực tế thanh toán cho tất cả các khoản vay đáp ứng đầy đủ điều kiện được ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất quy định tại Nghị định này;

c) Trước ngày 01 tháng 10 năm sau năm quyết toán, căn cứ kết quả xét duyệt quyết toán đối với các Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội và kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước về hỗ trợ lãi suất năm quyết toán tại Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Chính sách xã hội lập báo cáo tổng hợp quyết toán hỗ trợ lãi suất thực tế trong năm quyết toán theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này và hoàn thiện hồ sơ đề nghị thẩm định quyết toán theo quy định tại điểm d khoản này gửi Bộ Tài chính để thực hiện thẩm định quyết toán;

d) Hồ sơ đề nghị thẩm định quyết toán hỗ trợ lãi suất

Hồ sơ đề nghị thẩm định quyết toán hỗ trợ lãi suất Ngân hàng Chính sách xã hội gửi Bộ Tài chính gồm: Công văn đề nghị thẩm định quyết toán hỗ trợ lãi suất; báo cáo tổng hợp quyết toán hỗ trợ lãi suất; thông báo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước về hỗ trợ lãi suất năm quyết toán tại Ngân hàng Chính sách xã hội (bản photo) theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 43/2022/QH15 và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Thẩm định và thông báo thẩm định quyết toán hỗ trợ lãi suất hàng năm

a) Thực hiện thẩm định quyết toán hỗ trợ lãi suất

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị thẩm định quyết toán hỗ trợ lãi suất của Ngân hàng Chính sách xã hội, Bộ Tài chính thực hiện thẩm định báo cáo tổng hợp quyết toán hỗ trợ lãi suất theo các nội dung sau:

- Kiểm tra danh mục hồ sơ đề nghị thẩm định quyết toán hỗ trợ lãi suất quy định tại điểm d khoản 3 Điều này; trường hợp chưa đầy đủ thì đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội gửi bổ sung;

- Kiểm tra dự toán chi hỗ trợ lãi suất được giao trong năm, bảo đảm khớp đúng với dự toán được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm dự toán giao đầu năm, dự toán bổ sung, điều chỉnh trong năm);

- Kiểm tra số tiền ngân sách nhà nước đã thanh toán trước;

- Kiểm tra đảm bảo tổng số tiền Ngân hàng Chính sách xã hội đề nghị được ngân sách nhà nước thanh toán hỗ trợ lãi suất trong năm đã được điều chỉnh theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước;

- Kiểm tra số tiền ngân sách nhà nước đã thanh toán trước cho Ngân hàng Chính sách xã hội thừa hoặc thiếu so với số thẩm định (nếu có);

- Các nội dung, nhận xét khác (nếu có);

b) Thông báo thẩm định quyết toán hỗ trợ lãi suất

Căn cứ kết quả thẩm định quyết toán hỗ trợ lãi suất quy định tại điểm a khoản này, Bộ Tài chính có thông báo thẩm định quyết toán hỗ trợ lãi suất gửi Ngân hàng Chính sách xã hội để thông báo các số liệu như sau:

- Số tiền Ngân hàng Chính sách xã hội được ngân sách nhà nước thanh toán hỗ trợ lãi suất trong năm theo số liệu kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước, trong đó số liệu đưa vào quyết toán ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách là số tiền ngân sách nhà nước đã thanh toán cho Ngân hàng Chính sách xã hội từ ngày 01 tháng 01 năm ngân sách đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2023 đối với các khoản hỗ trợ lãi suất năm 2022 và đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2024 đối với các khoản hỗ trợ lãi suất năm 2023;

- Số tiền ngân sách nhà nước còn phải thanh toán cho Ngân hàng Chính sách xã hội, hoặc thu hồi, hoặc giảm trừ vào số thanh toán năm tiếp theo. Trường hợp số đã thanh toán trước trong năm thấp hơn số thẩm định thì số chênh lệch sẽ được thanh toán tiếp; trường hợp số đã thanh toán trước trong năm cao hơn số thẩm định thì số chênh lệch sẽ được thu hồi, hoặc giảm trừ vào số thanh toán hỗ trợ lãi suất của năm tiếp theo.

5. Xử lý việc thu hồi số tiền đã hỗ trợ lãi suất

a) Trường hợp trước khi Bộ Tài chính thông báo thẩm định quyết toán, qua kiểm tra phát hiện khách hàng vay vốn không đúng đối tượng và/hoặc sử dụng vốn vay sai mục đích vay thì Ngân hàng Chính sách xã hội tiến hành thu hồi ngay số tiền Ngân hàng đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay vốn;

b) Trường hợp phát hiện khách hàng vay vốn không đúng đối tượng và/hoặc sử dụng vốn vay sai mục đích sau khi Bộ Tài chính thông báo thẩm định quyết toán, Ngân hàng Chính sách xã hội có trách nhiệm thu hồi số tiền được nhà nước hỗ trợ lãi suất và nộp vào ngân sách nhà nước.

Điều 7. Nguồn vốn cho vay và cấp bù lãi suất và phí quản lý

1. Nguồn vốn cho vay

a) Ngân hàng Chính sách xã hội được phát hành trái phiếu Chính phủ bảo lãnh để cho vay đối với các chính sách cho vay ưu đãi theo quy định tại tiết b, điểm 1.3 khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 43/2022/QH15;

b) Tổng hạn mức phát hành trái phiếu Chính phủ bảo lãnh để cho vay đối với các chính sách cho vay ưu đãi theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 tối đa là 38,4 nghìn tỷ đồng và không vượt quá tổng dư nợ tín dụng các chính sách cho vay ưu đãi theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 tại thời điểm kết thúc thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 cộng mức tồn ngân tính trên tổng dư nợ tín dụng

nêu tại điểm này. Tỷ lệ tồn ngân được xác định theo tỷ lệ tối đa tồn quỹ tiền mặt và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác để đảm bảo khả năng chi trả, thanh toán khi xác định số cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý theo quy định tại quy chế quản lý tài chính của Ngân hàng Chính sách xã hội;

c) Nguồn vốn trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh quy định tại khoản này được hòa đồng chung trong tổng nguồn vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội và hạch toán, quản lý, sử dụng theo quy chế quản lý tài chính của Ngân hàng Chính sách xã hội;

d) Trong thời gian chưa phát hành hoặc chưa phát hành đủ nguồn vốn trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Ngân hàng Chính sách xã hội được sử dụng các nguồn vốn hợp pháp của Ngân hàng để thực hiện các chính sách cho vay ưu đãi theo Nghị quyết số 43/2022/QH15.

2. Cấp bù lãi suất và phí quản lý

a) Ngân hàng Chính sách xã hội được ngân sách nhà nước cấp bù lãi suất và phí quản lý khi thực hiện các chính sách cho vay ưu đãi theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 theo cơ chế cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý khi cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác quy định tại quy chế quản lý tài chính của Ngân hàng Chính sách xã hội;

b) Nguồn vốn cấp bù lãi suất và phí quản lý

- Nguồn vốn cấp bù lãi suất và phí quản lý trong giai đoạn 2022-2023 để thực hiện các chính sách cho vay ưu đãi theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 là nguồn 2 nghìn tỷ đồng quy định tại tiết b điểm 1.2 khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 43/2022/QH15;

- Nguồn vốn cấp bù lãi suất và phí quản lý sau năm 2023 đối với dư nợ của các chính sách cho vay ưu đãi theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 được bố trí từ nguồn vốn đầu tư công theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật đầu tư công và các văn bản hướng dẫn (nếu có).

Điều 8. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ hằng quý, năm và khi kết thúc chương trình, Ngân hàng Chính sách xã hội gửi Bộ Tài chính báo cáo quý, năm và kết thúc chương trình về kết quả thực hiện hỗ trợ lãi suất của toàn hệ thống theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Thời hạn, thời gian chốt số liệu và phương thức gửi báo cáo

a) Thời hạn gửi báo cáo

- Báo cáo quý: Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý;
- Báo cáo năm: Chậm nhất là 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm;
- Báo cáo kết thúc chương trình: Chậm nhất là 60 ngày kể từ ngày kết thúc chương trình;

b) Thời gian chốt số liệu báo cáo quý, năm: Thời điểm bắt đầu lấy số liệu là ngày đầu tiên của quý, năm báo cáo; thời điểm kết thúc lấy số liệu là ngày cuối cùng của quý, năm báo cáo;

c) Thời gian chốt số liệu báo cáo kết thúc chương trình: Thời điểm bắt đầu lấy số liệu là ngày 01/01/2022; thời điểm kết thúc lấy số liệu là ngày 31/12/2023 hoặc thời điểm thông báo kết thúc thực hiện hỗ trợ lãi suất theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 9 Nghị định này tùy theo điều kiện nào đến trước;

d) Phương thức gửi báo cáo thực hiện theo một trong các phương thức sau:

- Gửi trực tiếp dưới hình thức văn bản giấy;
- Gửi qua dịch vụ bưu chính dưới hình thức văn bản giấy;
- Gửi qua hệ thống thư điện tử hoặc hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng;
- Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của khách hàng vay vốn được hỗ trợ lãi suất

a) Sử dụng vốn vay đúng mục đích theo quy định;

b) Nếu không đúng đối tượng và/hoặc sử dụng vốn vay không đúng mục đích thì phải hoàn trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội toàn bộ số vốn vay không đúng đối tượng và/hoặc sử dụng vốn vay không đúng mục đích và số tiền hỗ trợ lãi suất trước đó của số vốn vay phải hoàn trả.

2. Trách nhiệm của Ngân hàng Chính sách xã hội

a) Tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ lãi suất, cấp bù lãi suất và phí quản lý gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để bố trí cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật đầu tư công, Nghị quyết số 43/2022/QH15 và các văn bản hướng dẫn (nếu có);

b) Thực hiện việc hỗ trợ lãi suất, quyết toán hỗ trợ lãi suất và xét duyệt quyết toán hỗ trợ lãi suất theo đúng quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

c) Chịu trách nhiệm toàn diện về tính pháp lý, đầy đủ, hợp lệ, chính xác của hồ sơ đề nghị thẩm định quyết toán và số liệu báo cáo đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất. Thực hiện lưu giữ toàn bộ hồ sơ hỗ trợ lãi suất cho từng khoản vay được hỗ trợ lãi suất theo đúng quy định;

d) Báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ lãi suất theo quy định về chế độ báo cáo quy định tại Điều 8 Nghị định này;

đ) Thực hiện cho vay đúng đối tượng; kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay để đảm bảo việc hỗ trợ lãi suất theo đúng quy định của pháp luật. Nếu phát

hiện khách hàng vay vốn không đúng đối tượng và/hoặc sử dụng vốn vay không đúng mục đích thì có trách nhiệm thu hồi toàn bộ số vốn vay không đúng đối tượng và/hoặc sử dụng vốn vay không đúng mục đích và số tiền đã hỗ trợ lãi suất trước đó của số vốn vay phải thu hồi;

e) Căn cứ tình hình triển khai thực hiện hỗ trợ lãi suất, khi kinh phí hỗ trợ lãi suất bố trí cho Ngân hàng Chính sách xã hội tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 còn lại không đủ để thực hiện hỗ trợ cho các khoản vay trong 1 tháng tiếp theo, Ngân hàng Chính sách xã hội kết thúc thực hiện hỗ trợ lãi suất, thông báo công khai trên website và trụ sở của Ngân hàng Chính sách xã hội về thời điểm kết thúc thực hiện hỗ trợ lãi suất, đồng thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính về thời điểm kết thúc thực hiện hỗ trợ lãi suất;

g) Theo dõi riêng dư nợ tín dụng các chính sách cho vay ưu đãi theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 với nguyên tắc:

- Đối với chính sách cho vay ưu đãi vừa thực hiện theo tăng dư nợ tín dụng các chính sách cho vay ưu đãi theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 vừa thực hiện theo tăng dư nợ tín dụng đối với các chương trình tín dụng chính sách được Thủ tướng Chính phủ giao hằng năm (không bao gồm kế hoạch tăng dư nợ tín dụng các chính sách cho vay ưu đãi theo Nghị quyết số 43/2022/QH15) sẽ tính dư nợ tín dụng các chính sách cho vay ưu đãi theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 trước cho đến khi đủ dư nợ tín dụng tối đa của chương trình cho vay đó.

- Riêng chương trình cho vay đối với học sinh, sinh viên để trang trải chi phí học tập theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên và các văn bản sửa đổi, bổ sung thì chỉ tính dư nợ tín dụng theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 sau khi sử dụng hết nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã bố trí cho chương trình này;

h) Tính toán, xác định và chịu trách nhiệm về số cấp bù lãi suất và phí quản lý khi thực hiện các chính sách cho vay ưu đãi theo Nghị quyết số 43/2022/QH15;

i) Báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trình Quốc hội về tình hình phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và cho vay các chính sách cho vay ưu đãi theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 trong tháng 4 năm 2024.

3. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

a) Căn cứ vào dự toán ngân sách nhà nước giao để thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ lãi suất cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại Nghị định này;

b) Thực hiện thẩm định quyết toán hỗ trợ lãi suất và ban hành thông báo thẩm định quyết toán hỗ trợ lãi suất cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại Nghị định này.

4. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính trình cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí vốn cấp bù lãi suất và phí quản lý cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật đầu tư công, Nghị quyết số 43/2022/QH15 và các văn bản hướng dẫn (nếu có).

5. Trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp

a) Phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Chính sách xã hội trong việc thực hiện hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị định này;

b) Chỉ đạo Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị định này.

6. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tham gia phổ biến, phối hợp triển khai và giám sát việc thực hiện Nghị định này.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Các khoản vay đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại Điều 3 Nghị định này được Ngân hàng Chính sách xã hội giải ngân trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và chưa hoàn thành việc tất toán khoản vay được hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị định này.

3. Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Chính sách xã hội và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HDND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCT, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (...b)

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính

Phụ lục I
BÁO CÁO QUÝ/NĂM/KẾT THÚC CHƯƠNG TRÌNH VỀ THỰC HIỆN
HỖ TRỢ LÃI SUẤT THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 43/2022/QH15
(Ban hành kèm theo Nghị định số.../2022/NĐ-CP
ngày ... tháng năm 2022 của Chính phủ)

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HỖ TRỢ LÃI SUẤT
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 43/2022/QH15
Quý/Năm/Kết thúc chương trình...

I. Tình hình thực hiện trong kỳ báo cáo

1. Số tiền ngân sách nhà nước đã thanh toán hỗ trợ lãi suất thừa/thiếu đến cuối kỳ trước: ...đồng

2. Tình hình thực hiện hỗ trợ lãi suất trong kỳ chi tiết theo chi nhánh:

Đơn vị: đồng

STT	Tên chi nhánh	Số giải ngân trong kỳ	Số giải ngân lũy kế trong thời gian thực hiện hỗ trợ lãi suất	Số tiền đã hỗ trợ lãi suất trong kỳ	Số tiền đã hỗ trợ lãi suất bị thu hồi trong kỳ	Số tiền được thanh toán hỗ trợ lãi suất trong kỳ
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)
1.						
2.						
....						
	Tổng số					

3. Số tiền đề nghị ngân sách nhà nước thanh toán trước trong kỳ: ... đồng

4. Số tiền ngân sách nhà nước đã thanh toán hỗ trợ lãi suất thừa/thiếu trong kỳ: ... đồng.

II. Lũy kế tình hình thực hiện hỗ trợ lãi suất:

1. Lũy kế số tiền đã được ngân sách nhà nước thanh toán trước: ... đồng

2. Lũy kế số tiền đã hỗ trợ lãi suất trong kỳ: ... đồng

3. Lũy kế số tiền đã hỗ trợ lãi suất bị thu hồi: ...đồng

4. Lũy kế số tiền ngân sách nhà nước đã thanh toán hỗ trợ lãi suất thừa/thiếu:...đồng.

..., ngày... tháng... năm...

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm soát
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng cơ quan/đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục II
BÁO CÁO TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN HỖ TRỢ LÃI SUẤT THEO
NGHỊ QUYẾT SỐ 43/2022/QH15

(Ban hành kèm theo Nghị định số/2022/NĐ-CP
ngày tháng năm 2022 của Chính phủ)

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

BÁO CÁO TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN HỖ TRỢ LÃI SUẤT THEO
NGHỊ QUYẾT SỐ 43/2022/QH15

Năm...

1. Số tiền ngân sách nhà nước đã thanh toán hỗ trợ lãi suất thừa/thiếu năm trước chuyển sang: ...đồng (nếu có).
2. Dự toán chi hỗ trợ lãi suất được giao trong năm: ... đồng.
3. Số tiền đã được ngân sách nhà nước thanh toán trước trong năm (bao gồm cả số tiền đã được ngân sách nhà nước thanh toán trong tháng 1 năm sau): ...đồng.
4. Số tiền được ngân sách nhà nước thanh toán hỗ trợ lãi suất trong năm: ... đồng; trong đó chi tiết theo từng chi nhánh như sau:

Đơn vị: đồng

STT	Tên chi nhánh	Số tiền giải ngân trong năm	Số tiền đã hỗ trợ lãi suất trong năm	Số đã hỗ trợ lãi suất bị thu hồi trong năm	Số tiền được thanh toán hỗ trợ lãi suất trong năm
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)
1.					
2.					
...					
	Tổng số				

5. Số tiền ngân sách nhà nước đã thanh toán hỗ trợ lãi suất thừa/thiếu: ...đồng.
6. Các vấn đề phát hiện qua quá trình tổng hợp báo cáo quyết toán, kiểm tra, thanh tra, giám sát (nếu có).
7. Các nội dung, nhận xét khác (nếu có).

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm soát
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày... tháng... năm...
Thủ trưởng cơ quan/đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)



BỘ TÀI CHÍNH

Phụ lục:

BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CÁC BỘ, NGÀNH VÀ NHCSXH

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BTC ngày //2022 của Bộ Tài chính)

STT	Ý kiến các Bộ, ngành và NHCSXH		Ý kiến của Bộ Tài chính
	Bộ, ngành và NHCSXH	Nội dung tham gia	
I. NỘI DUNG TIẾP THU, HOÀN THIỆN DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH			
1	NHCSXH	Đề nghị bổ sung nội dung để xác định rõ số tiền hỗ trợ lãi suất phải thu hồi, cụ thể: - Điểm b khoản 1 Điều 9 bổ sung cụm từ “của số vốn vay sử dụng không đúng mục đích” vào cuối đoạn. - Điểm d khoản 2 Điều 9 bổ sung cụm từ “của số vốn vay phải thu hồi” vào cuối đoạn.	Bộ Tài chính đã tiếp thu, bổ sung nội dung này tại dự thảo Nghị định.
2	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Đề nghị sửa đổi, bổ sung tiết a khoản 2 Điều 9 về trách nhiệm của NHCSXH như sau: “tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ lãi suất gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để bố trí cho NHCSXH theo quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 43/2022/QH15 và các văn bản hướng dẫn (nếu có).	Bộ Tài chính đã tiếp thu, bổ sung nội dung này tại dự thảo Nghị định.
3	Bộ Tư pháp	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ Nghị quyết số 58/NQ-CP chỉ thay đổi hình thức văn bản (từ quyết định sang nghị định) hay đã bao hàm thông qua chính sách trong dự thảo Nghị định? Nếu thông qua cả chính sách thì chính sách đó gồm chính sách nào.	Triển khai chỉ đạo của Phó Thủ tướng Lê Minh Khái tại Thông báo số 110/TB-VPCP; căn cứ quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, do Nghị định này là văn bản quy định các biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành Nghị quyết của Quốc hội nên việc xây dựng Nghị định này thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và việc xây dựng Nghị định cần phải thực hiện qua 02 bước. Bộ Tài chính đã triển khai 02 bước theo quy định như sau: - Bước 1 là trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị xây dựng Nghị định, theo đó Bộ Tài chính đã có Tờ trình số 85/TT-BTC ngày 18/4/2022 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề nghị xây dựng Nghị định với 02 chính sách chính: (i) Hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay tại NHCSXH và (ii) Nguồn vốn cho vay và cơ chế cấp bù lãi suất và phí quản lý để NHCSXH thực hiện các chính sách cho vay ưu đãi quy

STT	Ý kiến các Bộ, ngành và NHCSXH	
	Bộ, ngành và NHCSXH	Nội dung tham gia
		Ý kiến của Bộ Tài chính định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết số 11/NQ-CP. Tại Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 23/4/2022, Chính phủ quyết nghị đồng ý với đề nghị của Bộ Tài chính tại văn bản số 85/TT-BTC nêu trên. Như vậy, theo ý kiến của Bộ Tài chính, Chính phủ đã thông qua các chính sách chính của Nghị định theo báo cáo của Bộ Tài chính. - Bước 2 là soạn thảo Nghị định: Bộ Tài chính đã căn cứ vào các chính sách chính được Chính phủ phê duyệt để soạn thảo Nghị định gửi xin ý kiến các cơ quan liên quan và gửi xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp theo đúng quy định để trình Chính phủ xem xét, quyết định.
4		Để nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bỏ căn cứ pháp lý ban hành Nghị định là Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác vì đây không phải là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn.
5		Để nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, làm rõ điều kiện hỗ trợ lãi suất đối với khoản vay chưa được hỗ trợ lãi suất từ bất cứ nguồn nào từ ngân sách nhà nước được xác định trên cơ sở toàn bộ quá trình từ khi giao kết hợp đồng vay vốn đến khi giải ngân, thanh toán tiền gốc, lãi hay chi xác định tại thời điểm giải ngân khoản vay.
6		Để nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, làm rõ lý do của việc đưa ra điều kiện tổng hạn mức phát hành trái phiếu Chính phủ bảo lãnh không vượt quá tổng dư nợ tín dụng các chính sách cho vay ưu đãi theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 tại thời điểm kết thúc thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 công mức dự phòng an toàn chỉ trả tính trên tổng dư nợ tín dụng, đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15; và “mức dự phòng an toàn chỉ trả” có phải là “mức tồn ngân” theo nội dung thuyết minh của cơ quan chủ trì soạn thảo tại dự thảo Tờ trình.
7		Để nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát quy định nguồn vốn cấp bù lãi suất và phí quản lý sau năm 2023 “được bỏ từ nguồn chi đầu tư phát triển trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm” đảm bảo phù hợp với quy định của Nghị quyết số 43/2022/QH15, pháp luật ngân sách nhà nước, pháp luật đầu tư công.
		Bộ Tài chính đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định. Bộ Tài chính đã tiếp thu, hoàn thiện Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định. Bộ Tài chính đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định. Bộ Tài chính đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định.

STT	Ý kiến các Bộ, ngành và NHCSXH		Ý kiến của Bộ Tài chính
	Bộ, ngành và NHCSXH	Nội dung tham gia	
8		Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý cụm từ “các khoản vay thuộc đối tượng quy định tại Nghị định” tại điểm a khoản 3 Điều 6 dự thảo Nghị định theo hướng các khoản vay đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Nghị định.	Bộ Tài chính đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định.
9		Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cần nhắc bỏ cụm từ “và chịu trách nhiệm” tại điểm a khoản 4 Điều 6 dự thảo Nghị định vì nội dung này thuộc quy định về trách nhiệm của NHCSXH, không thuộc quy định về trình tự, thủ tục thực hiện thẩm định quyết toán hỗ trợ lãi suất.	Bộ Tài chính đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định.
10		Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý lại điểm b khoản 1 Điều 9 dự thảo Nghị định cho thống nhất với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định.	Bộ Tài chính đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định.
11		Điều 10 dự thảo Nghị định quy định nội dung liên quan đến tổ chức thi hành, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chuyển Điều 10 thành một khoản riêng tại Điều 11 dự thảo Nghị định về điều khoản thi hành.	Bộ Tài chính đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định.
12	Kiểm toán Nhà nước	Đề nghị chỉnh sửa quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Hồ sơ đề nghị thẩm định từ “Thông báo kết luận của Kiểm toán Nhà nước về HTLS hoặc về kiểm toán báo cáo tài chính của NHCSXH trong đó có nội dung kiểm toán về HTLS” thành “Kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước về HTLS của Chương trình tại NHCSXH” cho phù hợp.	Bộ Tài chính đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định.
13		Đề nghị chỉnh sửa quy định tại điểm d khoản 2 Điều 9 theo hướng bổ sung trách nhiệm của NHCSXH phải thực hiện cho vay đúng đối tượng.	Bộ Tài chính đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định.
II. NỘI DUNG GIẢI TRÌNH			
1	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Nghị quyết số 11/NQ-CP quy định “cấp bù lãi suất và phí quản lý tối đa 2 nghìn tỷ đồng”. Do vậy, tại khoản 2 Điều 7 của Dự thảo Nghị định đề nghị bổ sung, sửa đổi tương ứng thành “ tối đa 2 nghìn tỷ đồng”.	Nghị quyết số 11/NQ-CP quy định “cấp bù lãi suất và phí quản lý tối đa 2 nghìn tỷ đồng”; tuy nhiên Nghị quyết số 43/2022/QH15 quy định cấp bù lãi suất và phí quản lý 2 nghìn tỷ đồng, do đó Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15.
2		Đề nghị bổ sung trách nhiệm của Bộ Tài chính theo quy định tại tiết e mục 3.IV của Nghị quyết số 11/NQ-CP để đảm bảo tính khả thi, thuận lợi và kịp thời phát hành đủ nguồn vốn trái phiếu được Chính	- Tiết e mục 3.IV Nghị quyết số 11/NQ-CP, Chính phủ giao: “Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với NHCSXH trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định về phương án bảo lãnh phát hành trái phiếu của

STT	Ý kiến các Bộ, ngành và NHCSXH		Ý kiến của Bộ Tài chính
	Bộ, ngành và NHCSXH	Nội dung tham gia	
		phủ bảo lãnh cho NHCSXH để thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.	NHCSXH để cho vay đối với các đối tượng chính sách theo quy định tại tiết c, điểm 2 mục II Nghị quyết này”. - Triển khai chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài chính đã có Công văn số 2588/BTC-TCNH ngày 18/3/2022 và Tờ trình số 59/TT-BTC ngày 25/3/2022 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hạn mức bảo lãnh phát hành trái phiếu cho NHCSXH năm 2022 và ngày 12/4/2022, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 448/QĐ-TTg phê duyệt đề nghị của Bộ Tài chính. Như vậy, nhiệm vụ của Bộ Tài chính nêu trên đã hoàn thành và không cần đưa vào dự thảo Nghị định này.